

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2023
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng, chuồng nhốt lợn; nước thải từ khu giết mổ.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ bể xử lý bụi khí thải lò hơi.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ trạm khai thác nước ngầm.
- Nguồn số 06: Nước thải từ hệ thống lọc RO của trạm khai thác nước ngầm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Sông Sò phía Đông Nam dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả thải ra sông Sò tại xã Hải Nam, huyện Hải Hậu.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2.257.933; Y = 614.783. (Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$; múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức theo đường ống nhựa $\Phi 110$ (dài 71 m xuyên qua đê) ra sông Sò phía Đông Nam dự án.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; $C_{max} = C$ đối với các thông số pH, coliform), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)	
			C	C _{max}
1	pH	-	6 ÷ 9	6 ÷ 9

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	29,7
3	COD	mg/l	75	74,25
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	49,5
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	4,95
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	5
7	Tổng N	mg/l	20	19,8
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,2	0,198
9	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	3,96
10	Clo dư	mg/l	1	0,99
11	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải khu vực nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải khu vực nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ được dẫn bằng đường ống Φ110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất

+ Nước thải sản xuất từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng, chuồng nhốt lợn; nước thải từ khu giặt mổ và nước thải từ bể xử lý bụi khí thải lò hơi được thu gom theo đường ống nhựa PVC Φ 110 về 03 bể thu gom nước thải (tổng thể tích 230,5 m³) sau đó dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

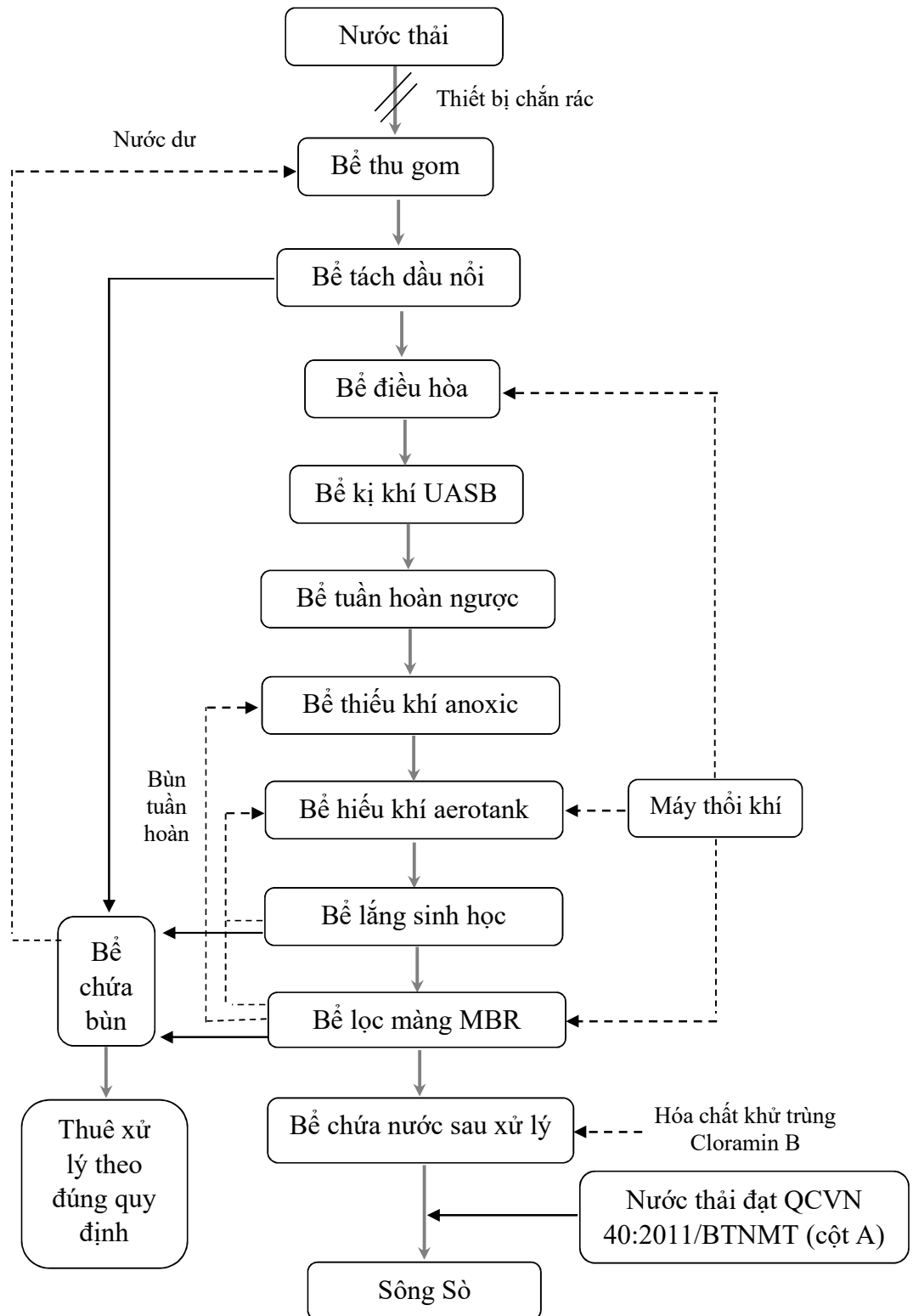
+ Nước thải từ trạm khai thác nước ngầm theo đường ống nhựa Φ110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải từ hệ thống lọc RO của trạm khai thác nước ngầm được tận dụng để tưới cây xanh trong khuôn viên dự án, không thải ra ngoài môi trường.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), bơm cưỡng bức theo đường ống nhựa Φ110 (dài 71 m xuyên qua đê) ra sông Sò phía Đông Nam dự án tại 01 cửa xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm



(Chi tiết thông số kỹ thuật của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường)

- Hóa chất sử dụng: Cloramin B với khối lượng 160 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát trạm xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, toàn bộ nước thải chưa xử lý tại nhà máy sẽ tạm thời được lưu giữ trong bể thu gom, bể điều hòa (tổng thể tích là 596 m³). Chủ dự án sẽ cử cán bộ tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) mới vận hành hệ thống trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/8/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm
Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- 01 mẫu tại bể chứa nước sau xử lý, trước khi thải ra sông Sò.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Trong giai đoạn hoạt động ổn định (lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp): Tiến hành lấy mẫu đơn với 01 mẫu đầu vào và 03 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) thải ra sông Sò phía Đông Nam nhà máy. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải ảnh hưởng tới sông Sò, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.